TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 642/2025/DS-PT
Ngày: 30/9/2025
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bình**

Các Thẩm phán: 1/- Ông **Võ Thái Sơn**

2/- Ông **Nguyễn Hữu Bằng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Trí Khương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông **Trần Thanh Vũ** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/9/2025 và 30/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLPT-DS ngày 03/4/2025 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ *(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ)* bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 433/2025/QĐ-PT ngày 18/7/2025 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Bà **Lương Thị L**, sinh năm 1953. *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Nay là xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Sỹ K**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số A, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ*) (có mặt).*

2. <u>Bị đơn</u>: Ông **Lương Văn H**, sinh năm 1965. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số H, ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ*).*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số E, đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. (Nay là phường B, thành phố Cần Thơ*) (có mặt).*

3. <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:</u>

Các đương sự có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ, nay thay đổi địa giới hành chính thành xã T, thành phố Cần Thơ.

3.1. Bà **Lương Thị H1**, sinh năm 1967. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, TP ..

3.2. Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1964. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông **Bùi Văn K1**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. *(có mặt).*

3.3. Bà **Lương Thị H2**, sinh năm 1966. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, TP ..

3.4. Ông **Lương Minh D**, sinh năm 1976. *(vắng mặt)*

3.5. Ông **Lương Minh P1**, sinh năm 1978. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D và ông P1: Ông **Nguyễn Châu Chí C,** sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ*) (có mặt).*

3.6. Ông **Lương Văn T1**, sinh năm 1950. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số B Q, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ*)*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T1: Bà **Nguyễn Sỹ K**. *(có mặt).*

3.7. Ông **Tô Bảo N**, sinh năm 1989. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Nay là xã P, thành phố Cần Thơ*)*

3.8. Bà **Tô Thị Tuyết N1**, sinh năm 1982. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số F, đường Đ, phường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh*)*

3.9. Bà **Tô Thị Tuyết S**, sinh năm 1984. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Nay là phường L, thành phố Cần Thơ*)*

3.10. Ông **Đào B**, sinh năm 1974. *(có mặt).*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3.11. Bà **Trần Lệ T2**, sinh năm 1970. *(có mặt).*

Địa chỉ: Số H ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3.12. ***Văn phòng C1*** (nay là **Văn phòng C1**) - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, TP ..

4. <u>Người kháng cáo</u>:

4.1. Nguyên đơn **Lương Thị L**.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Lương Văn T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** <u>Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu nội dung sau</u>:*

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2017 bà Lương Thị L yêu cầu ông Lương Văn H chia di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại. Cụ thể bà yêu cầu ông H chia cho bà diện tích đất 1.200m^2 tại thửa 908 tờ bản đồ số 05 và 800m^2 thuộc thửa 909 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16/7/2018 bà Lương Thị L khởi kiện bổ sung, yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 290, quyển số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2015 tại Văn phòng C1, ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn H gồm thửa 166, 165, 135, 134, 133, 132, 131 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và thửa đất 28, 24, 7 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Lý do, các thửa đất này được tách ra từ thửa 908, 909 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T (cũ) nay được tách ra là Thới P2 và Thới Hòa A, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14/10/2024 bà Nguyễn Sỹ K đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị L và ông Lương Văn T1 có văn bản xác định lại yêu cầu khởi kiện: Đối với các thửa đất số 7, 24 và 28 ông Lương Văn H đang đứng tên, bà L và ông T1 yêu cầu chia giá trị, căn cứ vào diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu đo đạc hiện trạng thực tế. Tại phiên tòa, bà K xác định thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H tại các thửa đất tranh chấp.

** <u>Bị đơn Lương Văn H trình bày nội dung sau:</u>*

Cha ông tên Lương Văn N2 (chết năm 2016), mẹ ông tên Lê Thị N3 (chết năm 1982). Bà Lương Thị L là chị cùng cha khác mẹ với ông. Mẹ bà L tên Huỳnh Thị S1 (chết năm 1962). Cha ông có tất cả 08 người con của tất cả 02 người vợ, cụ thể:

1. Ông Lương Văn B1 (chết), ông B1 có 02 người con là Lương Minh P1 và Lương Minh D; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Lương Văn T1; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Lương Thị L (nguyên đơn);

4. Bà Lương Thị O (chết), bà O có 03 người con tên Tô Thị Tuyết N1, Tô Thị S, Tô Bảo N; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

5. Lương Thị T; Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

6. Lương Văn H.

7. Lương Thị H2; Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

8. Lương Thị H1; Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Khi cha mẹ ông còn sống thì có khai hoang và sử dụng diện tích đất 19.100m^2 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Do từ nhỏ ông sống cùng cha mẹ và cùng sử dụng toàn bộ diện tích đất nêu trên, vì vậy khi cha mẹ chết thì ông tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi cha ông còn sống có làm thủ tục tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho ông. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh anh chị em khó khăn nên ông có đồng ý tặng cho bà L 01 nền nhà 200m^2 và 90.000.000 đồng. Những người khác thì không có yêu cầu nên ông không có tặng cho. Ông không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông T1 và ông P1, ông D. Yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông H thay đổi ý kiến, xác định chỉ đồng ý tặng cho bà L diện tích đất gắn liền căn nhà đang sử dụng theo đo đạc thực tế là 117m^2, ngoài ra không tặng cho bà L số tiền như đã trình bày trước đây. Ông H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của ông T1, ông P1, ông D và bà H3. Không đồng ý tặng cho ông T1 số tiền như các phiên tòa trước đã phát biểu.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày*</u>:

1. Bà Lương Thị T trình bày: Cha bà tên Lương Văn N2 (chết năm 2015), mẹ bà tên Lê Thị N3 (chết năm 1982). Bà Lương Thị L là chị cùng cha khác mẹ với bà. Mẹ bà L tên Huỳnh Thị S1 (chết năm 1962). Cha bà có tất cả 08 người con của tất cả 02 người vợ. Họ tên và địa chỉ của các anh chị em của bà đúng như ông H trình bày. Cha bà và cụ S1 có khai phá và sử dụng khoảng 10 công đất ruộng. Sau khi cụ S1 chết thì cha bà sống cùng mẹ bà và đã tạo lập nhiều diện tích đất khác nhưng có tặng cho các anh chị em (kể cả anh chị em cùng cha khác mẹ với bà đều được cho). Còn lại diện tích đất 19.100m^2 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ cha bà tặng cho em bà là Lương Văn H. Vì đây là tài sản cha bà đã tặng cho em bà là Lương Văn H nên bà không yêu cầu chia di sản thừa kế. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà L và bà được hưởng kỷ phần di sản thì bà cũng đồng ý tặng cho lại em bà là Lương Văn H. Bà không có yêu cầu hay ý kiến nào khác. Đồng thời, bà T khẳng định đây không phải là tài sản chung của cụ N2 và cụ S1.

2. Bà Lương Thị H2 trình bày: Cha bà là Lương Văn N2 (chết năm 2015), mẹ là Lê Thị N3 (chết năm 1982). Cụ N2 và bà N3 có 04 người con. Cha bà tặng cho ông Lương Văn H quyền sử dụng đất là sự thật vì từ trước đến khi tặng cho thì chỉ có cha bà cùng ông H sử dụng toàn bộ diện tích đất do cha mẹ bà tạo lập. Tất cả các anh chị lớn đều có cuộc sống ổn định, không có cùng ông Lương Văn N2 chăm sóc ruộng đất, chỉ có ông H phụng dưỡng, chăm sóc cụ N2. Vì công lao và trách nhiệm nêu trên nên cụ Ngọc T3 cho ông H toàn bộ quyền sử dụng đất do cụ N2 đứng tên. Vì vậy bà không có ý kiến gì.

3. Bà Lương Thị H1 không có ý kiến trình bày.

4. Ông Lương Văn T1 có yêu cầu độc lập và trình bày: Ông là con ruột của ông Lương Văn N2 và bà Huỳnh Thị S1. Ông Lương Văn N2 chết năm 2016, bà Huỳnh Thị S1 chết năm 1962. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lương Thị L về hàng thừa kế của cha mẹ theo pháp luật trong vụ án này. Thống nhất với lời trình bày của bà L về toàn bộ khối di sản là quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại. Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do cha mẹ là cụ N2 và cụ S1 để lại gồm 19.000m^2 đất. Cụ thể, yêu cầu được hưởng 01 suất gồm 1/4 trong nửa khối của mẹ (9.550m^2) bằng 2.387,5m^2 và 1/8 trong phân nửa khối của cha (9.550m^2) bằng 1.193,75m^2. Tổng cộng yêu cầu được chia diện tích đất 3.581,25m^2. Đồng thời yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 290, quyển số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2015 tại Văn phòng C1, ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn N2 gồm thửa 166, 165, 135, 134, 133, 132, 131 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và thửa đất 28, 24, 7 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Lý do, các thửa đất này được tách ra từ thửa 908, 909 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T (cũ) nay được tách ra là Thới P2 và Thới Hòa A, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Tại phiên tòa, ông T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H tại các thửa đất tranh chấp.

Ông Lương Minh P1, ông Lương Minh D và bà Đinh Ngọc H3 có yêu cầu độc lập và trình bày: Bà Đinh Ngọc H3 là vợ ông Lương Văn B1 và ông P1 và ông D là con ông Lương Văn B1 (đã chết). Ông Lương Văn B1 là con ông Lương Văn N2 và bà Huỳnh Thị S1. Cụ N2 và cụ S1 chết không để lại di chúc. Nay bà H3, ông P1 và ông D yêu cầu được chia một phần di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị S1 cho các thừa kế của ông Lương Văn B1. Cụ thể yêu cầu được chia kỷ phần tương đương 2.000m^2 đất tại các thửa đất bà L yêu cầu.

5. Ông Tô Bảo N trình bày: Ông là con ruột bà Lương Thị O. Bà O chết năm 2019. Ông bà ngoại của ông là Lương Văn N2 và Huỳnh Thị S1 có tạo lập diện tích đất 19.000m^2, trước khi chết không để lại di chúc. Nay các cậu, dì của ông tranh chấp di sản thừa kế. Ông xin khước từ, không nhận di sản thừa kế. Đồng thời yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

6. Bà Tô Thị Tuyết S và Tô Thị Tuyết N1 có văn bản trình bày có nội dung thống nhất với lời trình bày của ông Tô Bảo N. Các ông bà là con ruột bà Lương Thị O và từ chối nhận di sản thừa kế. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ) đã đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11/02/2025 đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L và yêu cầu độc lập của ông Lương Văn T1, ông Lương Minh P1, ông Lương Minh D, bà Đinh Ngọc H3 về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 166, 165, 135, 134, 133, 132, 131 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và

thửa đất 28, 24, 7 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn H về việc tặng cho bà Lương Thị L diện tích đất 117m^2 tại thửa 132 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Vị trí A tại Bản trích đo địa chính số 16 ký ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

3. Bà L và ông H có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục tách thửa, sang tên đối với diện tích đất ông H tặng cho bà L nêu trên. Đồng thời, thực hiện các nghĩa vụ về tài chính (nếu có) theo quy định pháp luật về quản lý đất đai.

4. Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền rà soát có thuộc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/02/2025, nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1 có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của đại diện nguyên đơn:

Có đủ căn cứ chứng minh trong tổng diện tích đất tranh chấp có một phần là của bà Huỳnh Thị S1 (mẹ nguyên đơn). Theo Pháp lệnh thừa kế năm 1989 và các quy định của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu chia thừa kế vẫn còn. Khi cụ Lương Văn N2 làm thủ tục tặng cho bị đơn phần đất này, cụ N2 đã 91 tuổi, chưa thể chứng minh cụ N2 vẫn còn minh mẫn ở thời điểm làm giấy tặng cho đất chưa có giấy chứng nhận về sức khỏe, tinh thần minh mẫn của cụ N2. Do đó hợp đồng tặng cho này không có giá trị pháp lý nên cần hủy các hợp đồng tặng cho đất, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1, chấp nhận kháng cáo của bà L và ông T1.

Ý kiến của bị đơn:

Bị đơn thống nhất với bản án sơ thẩm. Riêng vấn đề công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Lương Văn N2 và bị đơn Lương Văn H, Văn phòng C1 đã làm đúng các thủ tục theo quy định của luật công chứng. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1, giữ y bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Thống nhất với quan điểm của đại diện nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Tòa án các cấp, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo của họ là hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lương Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trưng cầu giám định dấu vân tay của cụ Lương Văn N2 trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng ngày 31/3/2015 và tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho nêu trên, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 165, 166, 131, 132, 133, 134 và 135 mang tên ông Lương Văn H và buộc ông H có trách nhiệm chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T1, trưng cầu giám định dấu vân tay của cụ N2 trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31/3/2015 mang tên ông H và buộc ông H có trách nhiệm chia thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Cụ Lương Văn N2 và cụ Huỳnh Thị S1 chung sống không đăng ký kết hôn. Giữa cụ N2 và cụ S1 có tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế. Đến năm 1962 thì cụ S1 chết. Sau đó cụ N2 tiếp tục chung sống với cụ Nguyễn Thị N4 cũng không đăng ký kết hôn. Đến năm 1982 cụ N4 chết. Quá trình chung sống cùng cụ S1, cụ N2 có khai khẩn đất hoang. Đến năm 1991 cụ N2 mới thực hiện việc kê khai lần đầu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là cho hộ cụ N2. Thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất này thì trong hộ của cụ N2 không có tên cụ S1 hay cụ N4, cũng không có tên bà L, ông T1 và ông B1. Tất cả những người này đều không có ý kiến hay khiếu nại. Đến năm 2005, cụ N2 được nhà nước cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không có ai tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn căn cứ lời trình bày của một số người cao tuổi ở địa phương xác định nguồn gốc đất là do cụ N2 và cụ S1 khai phá để yêu cầu chia di sản thừa kế là không có căn cứ. Theo quy định của pháp luật *"di sản thừa kế là tài sản hoặc quyền về tài sản do người chết để lại"* trong khi đó, cụ S1 chết khi quyền về tài sản chưa được công nhận. Khi cụ N2 được công nhận quyền sử dụng đất thì hôn nhân thực tế giữa cụ N2 và cụ S1 đã chấm dứt từ lâu. Do vậy quyền sử dụng đất là tài sản riêng của cụ N2 được nhà nước công nhận, nên cụ N2 tự định đoạt tặng cho toàn bộ tài sản của mình cho ông H là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với việc phía nguyên đơn cho rằng cụ Ngọc T3 cho quyền sử dụng đất khi đã 91 tuổi không còn minh mẫn, việc công chứng không tuân thủ theo quy định

của pháp luật. Tuy nhiên phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu gì chứng minh thời điểm tặng cho đất cụ N2 không còn minh mẫn hay có bị ép buộc, lừa dối… Cụ N2 khi xác lập quyền sở hữu về tài sản của mình nên có quyền tự định đoạt tài sản. Do đó, không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc hủy hợp đồng tặng cho giữa cụ N2 và ông H. Đồng thời cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L, ông T1, bà H3, ông D, ông P1 đối với ông H tại các thửa 07, 24, 28 tờ bản đồ số 15 và các thửa 131, 132, 133, 134, 135, 165, 166 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp T thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Không chấp nhận yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H tại các thửa đất tranh chấp nêu trên.

Ông H xác định phần diện tích đất bà L đang sử dụng, gắn liền với căn nhà bà L đang ở, là do ông tự nguyện tặng cho. Ông Hòa đồng Ý tặng cho bà L diện tích đất đang sử dụng theo đo đạc thực tế là 117 m^2 tại thửa 132 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ; mục đích sử dụng là đất ở. Nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông H.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần; yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Đối với kháng cáo của phía nguyên đơn không có căn cứ nên không chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, nguyên đơn Lương Thị L yêu cầu bị đơn Lương Văn H chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia 1200 m^2 đất tại thửa 908, 800 m^2 đất tại thửa 909 tờ bản đồ số 05. Đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 290 ngày 31/3/2015 tại Văn phòng C1, yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn Lương Văn H tại các thửa 131, 132, 133, 134, 135, 165, 166 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) và các thửa 07, 24, 28, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), thu hồi và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H tại các thửa đất tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp thừa kế"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ) là đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1 kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ về mặt hình thức

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự:

[2.1] Nguyên đơn Lương Thị L và bị đơn Lương Văn H là chị em cùng cha khác mẹ. Cha của các đương sự là cụ Lương Văn N2. Cụ N2 có hai người vợ là cụ Huỳnh Thị S1 là mẹ của nguyên đơn (chết năm 1962) và cụ Lê Thị N3 là mẹ của bị đơn (chết năm 1982).

Cụ N2 có tổng cộng 08 người con:

1. Lương Văn Ba

2. Lương Văn Tư

3. Lương Thị Loan

4. Lương Thị Oanh

5. Lương Thị Thuận

6. Lương Văn Hòa

7. Lương Thị Hảo

8. Lương Thị Hiệp

Theo nguyên đơn trình bày cha mẹ của nguyên đơn (cụ N2 và cụ S1) khi còn sống có khai khẩn đất hoang, phần đất có diện tích 19.100 m^2 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Cha nguyên đơn kê khai phần đất này vào năm 1991 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Đến năm 2015, cha nguyên đơn đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ phần đất này cho bị đơn là ông Lương Văn H.

Theo nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1 thì phần đất này là của cha mẹ bà L và ông T1, nhưng cha bà L đã tặng cho riêng cho bị đơn Lương Văn H đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L và ông T1. Vì vậy bà L và ông T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất là tài sản của cha mẹ (tức cụ N2 và cụ S1), hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 31/3/2015 với nội dung là cụ Ngọc T3 cho bị đơn 19.100 m^2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông H.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1:

Tại phiên tòa đại diện bà L và ông T1 trình bày: Phần đất cụ Ngọc T3 cho bị đơn chính là di sản thừa kế của cha mẹ bà L và ông T1 là cụ N2 và cụ S1 đã khai khẩn đất hoang để lại. Nguyên đơn có trình bày thêm là phần đất này cụ N2 và cụ S1 đã khai khẩn và bắt đầu sử dụng từ năm 1954 đến khi cụ S1 chết (năm 1962). Hôn nhân của cụ N2 và cụ S1 là hôn nhân thực tế, nên theo Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990, phần 1 văn bản số 01 ngày 05/01/2018 thì thời hiệu chia di sản

thừa kế vẫn còn. Ngoài ra phía nguyên đơn còn trình bày phần đất tranh chấp này là của mẹ nguyên đơn, vấn đề này được chính bà Lương Thị T là chị ruột của bị đơn Lương Văn H thừa nhận. Vấn đề này còn được những người cao tuổi ở địa phương như ông N5, bà M xác nhận.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn chưa cung cấp được chứng cứ pháp lý nào (ví dụ Bằng Khoán Điền Thổ do chế độ cũ cấp) xác nhận cụ N2 và cụ S1 đứng tên trên đất khi cụ S1 còn sống. Việc bà T trình bày cụ S1 khai phá đất này cùng cụ N2 từ năm 1954 thì phía bị đơn không thừa nhận.

Năm 1991, khi lần đầu tiên phần đất 19.100 m^2 này được cụ N2 kê khai thì cụ S1 đã chết từ trước đó rất lâu. Thời điểm cụ N2 kê khai là đất cấp cho "hộ", lúc đó trong hộ cũng không có tên bà Lương Thị L, ông Lương Văn T1. Đến năm 2005 phần đất này được chính thức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất chỉ còn đứng tên cụ Lương Văn N2. Theo quy định của pháp luật *"di sản thừa kế là tài sản hoặc quyền về tài sản do người chết để lại"*, căn cứ theo quy định này, chưa có cơ sở chứng minh phần đất trên là phần di sản thừa kế do cụ S1 (là mẹ nguyên đơn) để lại.

Năm 2015 cụ N2 có đến Văn phòng C1 làm thủ tục tặng cho toàn bộ phần đất này cho bị đơn Lương Văn H. Hợp đồng này có điểm chỉ của cụ N2.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/9/2025, phía nguyên đơn Lương Thị L có yêu cầu hoãn phiên tòa để xin giám định lại dấu vân tay của cụ Lương Văn N2 trong hợp đồng tặng cho số 290 ngày 31/3/2015 về việc tặng cho quyền sử dụng đất của cụ N2 cho bị đơn Lương Văn H. Yêu cầu này đã được Hội Đồng Xét Xử chấp nhận. Nhưng đến ngày 21/9/2025, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu giám định nên Hội Đồng Xét Xử tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án này.

Ở giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn luôn đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét lại vấn đề: Khi cụ N2 ký hợp đồng tặng cho đất cho bị đơn lúc cụ đã 91 tuổi mà chưa có văn bản nào xác nhận thời điểm đó cụ có còn minh mẫn hay không?

Căn cứ điều 47 Luật Công chứng năm 2014: *"1. Người yêu cầu công chứng là cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự..."* Theo quy định này, Luật Công chứng chỉ yêu cầu người thực hiện các giao dịch tại phòng công chứng phải có năng lực hành vi dân sự mà thôi. Luật Công chứng không giới hạn người cao tuổi sẽ không được công chứng các giao dịch. Do đó, phía nguyên đơn chưa chứng minh được vào năm 2015 khi cụ N2 đến thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bị đơn thì cụ bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Vấn đề này phía nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh. Phía nguyên đơn chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ở thời kỳ này cụ N2 bị mất năng lực hành vi dân sự. Do đó không có căn cứ để hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này. Vì hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất này có giá trị pháp lý, do đó yêu cầu kiến nghị thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho bị đơn Lương Văn H của phía nguyên đơn là chưa có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn Lương Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1 là chưa có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội Đồng Xét Xử thống nhất chấp nhận.

[3] Tuy kháng cáo của các đương sự trên là chưa có căn cứ nhưng đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lương Thị L; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ *(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ).*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L và yêu cầu độc lập của ông Lương Văn T1, ông Lương Minh P1, ông Lương Minh D, bà Đinh Ngọc H3 về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 166, 165, 135, 134, 133, 132, 131 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và thửa đất 28, 24, 7 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn H về việc tặng cho bà Lương Thị L diện tích đất 117m^2 tại thửa 132 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Vị trí A tại Bản trích đo địa chính số 16 ký ngày 14/01/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

3. Bà L và ông H có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục tách thửa, sang tên đối với diện tích đất ông H tặng cho bà L nêu trên. Đồng thời, thực hiện các nghĩa vụ về tài chính (nếu có) theo quy định pháp luật về quản lý đất đai.

4. Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền rà soát có thuộc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá: Yêu cầu khởi kiện của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu. Bà L đã nộp 10.000.000 đồng và chi hết.

6. Về án phí dân sự

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà L và ông T1 và bà H3 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn.

6.2. Ông Lương Minh P1 và ông Lương Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ông P1, ông D và bà H3 đã nộp tạm ứng án phí 4.500.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007444 ngày 15/01/2024 được chuyển thu án phí. H4 lại cho ông D, ông P1 và bà H3 số tiền 4.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ *(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cần Thơ)*.

6.3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lương Thị L và ông Lương Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/9/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Bình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Lưu: HS, VP.